

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 16/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tạm thời mức thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục
thuộc tỉnh năm học 2015-2016**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:
Ngày: ... 09/4/16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND về việc tiếp tục thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 41/TTr-SGDĐT ngày 01/02/2016 về việc ban hành quyết định “Quy định tạm thời mức thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc tỉnh năm học 2015-2016”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tạm thời mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2015 - 2016 như sau:

1. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông:

a) Hệ công lập:

Thu học phí theo hộ khẩu thường trú của học sinh tại các vùng:

- Vùng thành thị: Gồm các phường và thị trấn;
- Vùng nông thôn: Gồm các xã không phải xã miền núi;
- Vùng núi: Gồm các xã miền núi.

Mức thu học phí năm học 2015-2016:

TT	Bậc học	Mức thu học phí (1000đ/ 1 học sinh/ 1 tháng)		
		Thành thị	Nông thôn	Miền núi
1	Mầm non			
	Nhà trẻ bán trú	80	50	40
	Nhà trẻ không bán trú	60	40	25
	Mẫu giáo bán trú	70	40	30
	Mẫu giáo không bán trú	60	30	15
2	Trung học cơ sở	60	40	20
3	Trung học phổ thông	80	60	40
	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc	120		

1/11.

- Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí cho hệ bổ túc văn hóa tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

Phương thức thu: Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Các trường mầm non, phổ thông học phí thu 9 tháng/năm học.

b) Hệ ngoài công lập: Tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, thông báo công khai mức thu học phí và thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

2. Các trường cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC):

a) Mức thu các cơ sở công lập:

Đơn vị tính: nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Nhóm ngành	Mức thu	
	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	385	440
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	455	520
3. Y dược	560	640

Số tháng thu học phí: 10 tháng/năm học, thu hàng tháng; nếu học sinh, sinh viên tự nguyện có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

b) Các cơ sở ngoài công lập: Tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Mức học phí thực hiện công khai theo quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

3. Miễn, giảm, hỗ trợ học phí và chi phí học tập:

Thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại chương III Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Hỗ trợ 100% học phí cho các cháu mẫu giáo ở các trường mầm non nông thôn, miền núi; các cháu mẫu giáo con nông dân ở các phường, thị trấn.

Ngành Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh & Xã hội và Tài chính xét duyệt kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập của các đơn vị giáo dục trình UBND tỉnh cấp bù kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đơn vị giáo dục trong tỉnh.

4/1/2

4. Quy định về tổ chức thu và sử dụng học phí

Thực hiện theo quy định tại chương IV Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

5. Thời điểm thực hiện mức thu học phí theo quyết định này từ năm học 2015-2016.

Điều 2. Giao sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động thương binh và Xã hội căn cứ quy định hiện hành của nhà nước và Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Kho bạc nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc tỉnh Vĩnh Phúc và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TTHĐND, UBND, MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo VP, Đài PTTH, Trung tâm công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CPVP;
- VX2;
- Lưu: VT.

(509)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Duy Thành